

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **81/2023/HS-ST**

Ngày: 22/11/2023

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thùy Liên.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phạm Thị Thanh Hà.

Ông Lâm Hoàng Vũ.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Đức - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Xuân Nhâm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 103/2023/TLST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2023/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo:

**Hà An S** (tên thường gọi là Minh); Sinh ngày: 09/7/1968; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: 357/44A đường HG, Phường K, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 122/187/10 đường B.P.Đ, Phường P, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 3/12 (bị cáo khai biết đọc, biết viết); Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Không rõ (bị cáo khai cha tên là Thái Cung H - đã chết) và bà: Hà Thị N (chết); Có vợ: Là bà Nguyễn Thị Ánh N2 và con: Có 02 người con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2006; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại.

Nhân thân: Ngày 09/11/1990, bị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội «Lừa đảo chiếm đoạt tài sản» (Bản án số: 188/HSST). Đã thi hành xong án phí, bồi thường thiệt hại (Công văn trả lời xác minh số: 781/CCTHADS ngày 10/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh).

(bị cáo có mặt tại phiên tòa)

**- Người bào chữa cho bị cáo Hà An S:**

Ông Bùi Thới V - Luật sư Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn Một thành viên QVVĐS thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

(có mặt)

- Bị hại:

1. Ông Trần Quốc M; Sinh năm: 1970; Thường trú: 219 Lô M, Chung cư N.G.T, Phường B, Quận J, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: LP2-22.05 Chung cư L.P, số 50 đường P.V.K, Phường B, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

2. Ông Âu Thái L; Sinh năm: 1975; Trú tại: LP1-19.07 Chung cư L.P, số 50 đường P.V.K, Phường B, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Nguyễn Thị Ánh N2; Sinh năm: 1971; Thường trú: 357/44A đường H.G, Phường K, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 122/187/10 đường B.P.Đ, Phường P, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có mặt)

2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Bảo vệ TL - SG; Địa chỉ: 43 đường 84 C.L, Phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Nguyễn Quang T; Sinh năm 1976 - Là Giám đốc.

(vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hà An S được Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bảo vệ TL - SG tuyển dụng làm nhân viên bảo vệ và được phân công làm việc tại Chung cư L.P, địa chỉ: 50 đường P.V.K, Phường B, Quận F từ ngày 01/4/2020. Trong thời gian làm bảo vệ tại đây, S nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác bằng cách: S lên mạng xã hội đặt mua 01 bộ quần áo (trang phục Quân đội nhân dân Việt Nam), 01 mũ kê pi có huy hiệu của Quân đội nhân dân Việt Nam, 01 bộ quân hàm đại tá và 01 bảng tên (ghi tên Hà An S) với giá 750.000 đồng. Thỉnh thoảng, S mặc bộ trang phục trên đi làm và nói với mọi người S là đại tá quân đội, đang làm việc tại Quân khu G.

Tin thật, khoảng tháng 11/2021, ông Âu Thái L gặp S nhờ xin cho cháu của ông tên Lý Vĩnh P đang thực hiện nghĩa vụ quân sự tại Sư đoàn I, huyện CC được chuyển về đơn vị Quân khu G, S đồng ý và yêu cầu ông L đưa 10.000.000 đồng; tháng 02/2022, S nói phải lì xì cho lãnh đạo, nên kêu ông L đưa thêm 4.000.000 đồng; đến tháng 4/2022, S yêu cầu ông L đưa tiếp 10.000.000 đồng để hoàn tất thủ tục chuyển (tổng cộng 03 lần S nhận của ông L 24.000.000 đồng).

Và với cách thức thủ đoạn trên, ngày 14/3/2022 S nhận của ông Trần Quốc M 10.000.000 đồng và hứa lo cho cháu ông M tên Giang Thuận H1 đang thực hiện nghĩa vụ quân sự tại Sư đoàn I được chuyển về Quân khu G.

Đến ngày 16/7/2022, S nghỉ việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bảo vệ TL - SG và cắt hết mọi liên lạc với các ông L, M.

Về phần các ông Âu Thái L và Trần Quốc M, sau khi đưa tiền cho Hà An S, chờ mãi không thấy cháu của các ông được điều chuyển về Quân khu G như lời S đã hứa, điện thoại cho S thì không liên lạc được, biết bị lừa nên các ông L, M đã đến Công an Phường B, Quận F trình báo sự việc.

Qua truy xét, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 triệu tập Hà An S lên trụ sở làm việc. Qua đấu tranh, S khai nhận đã thực hiện hành vi nêu trên và khai sau khi có tiền, một phần S đưa cho vợ là bà Nguyễn Thị Ánh N2 để trả chi phí sinh hoạt gia đình, một phần S cất giữ tiêu xài cá nhân. Đối với bộ quần áo, mũ (trang phục Quân đội nhân dân Việt Nam), S đã vứt bỏ trên đường V.V.K (gần khu vực cầu R.C). Qua truy tìm, Cơ quan điều tra chỉ thu giữ được 01 mũ kê pi (có huy hiệu của Quân đội nhân dân Việt Nam) và 01 quần tây màu xanh lá.

Cơ quan điều tra tiến hành cho các ông Trần Quốc M, Âu Thái L nhận dạng người qua hình ảnh. Các ông M, L đều xác định Hà An S chính là người đã giả làm đại tá quân đội lừa lấy tiền của các ông.

Quá trình điều tra, bà Nguyễn Thị Ánh N2 giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 2.000.000 đồng.

Ngày 11 tháng 11 năm 2022, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự (Quyết định số: 141/QĐ-ĐTTH); khởi tố bị can đối với Hà An S về tội «Lừa đảo chiếm đoạt tài sản» (Quyết định số: 159/QĐ-ĐTTH).

Tại Cáo trạng số: 28/CT-VKS-Q6 ngày 27 tháng 3 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Hà An S về tội «Lừa đảo chiếm đoạt tài sản» theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa ngày 04 tháng 7 năm 2023, Hà An S khai bị điếc một bên tai trái không nghe được. Để đảm bảo tính khách quan vụ án, Hội đồng xét xử quyết định trả hồ sơ yêu cầu giám định sức khỏe đối với bị cáo Hà An S.

Ngày 17 tháng 7 năm 2023, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 ra Quyết định số: 3874/QĐ-ĐTTH về việc Trưng cầu giám định thính lực đối với Hà An S. Và tại Bản kết luận giám định tình trạng sức khỏe số: 24/KLGĐSK-TTPY.2023 ngày 04 tháng 10 năm 2023, Trung tâm Pháp y - Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận thính lực đối với Hà An S như sau: Nghe kém tiếp nhận nhẹ tai phải. Nghe kém tiếp nhận nặng tai trái.

Tại phiên tòa hôm nay (ngày 22/11/2023), bị cáo Hà An S khai nhận, chính bị cáo với ý định phạm tội có từ trước đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của ông Âu Thái L 24.000.000 đồng, chiếm đoạt của ông Trần Quốc M 10.000.000 đồng như nội dung bản cáo trạng nêu. Ngoài ra bị cáo khai sau khi có tiền, bị cáo đã đưa cho bà Nguyễn Thị Ánh N2 (vợ bị cáo) tổng cộng 27.000.000 đồng để bà N2 trả tiền

nhà trọ và chi phí cho sinh hoạt gia đình, nhưng bị cáo chỉ nói đó là tiền bị cáo có được từ việc giới thiệu bán nhà cho khách;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Thị Ánh N2 khai cũng tương tự và xác nhận bà hoàn toàn không biết số tiền 27.000.000 đồng mà bị cáo Hà An S đưa cho bà là tiền do bị cáo phạm tội mà có. Quá trình tra, bà đã giao nộp lại 2.000.000 đồng cho Cơ quan điều tra, số còn lại bà đã chi phí cho sinh hoạt trong gia đình và đóng tiền học cho các con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Hà An S như bản cáo trạng và sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Phạt bị cáo Hà An S từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội «Lừa đảo chiếm đoạt tài sản» theo khoản 1 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Không phạt tiền đối với bị cáo, do bị cáo không có khả năng thi hành.

Buộc bị cáo Hà An S nộp lại 24.000.000 đồng, là tiền do phạm tội mà có để sung vào ngân sách nhà nước.

Về bồi thường thiệt hại: Buộc bị cáo Hà An S bồi thường cho bị hại Trần Quốc M số tiền 8.000.000 đồng (sau khi cân trừ số tiền 2.000.000 đồng Cơ quan điều tra đang tạm giữ).

Riêng bị hại Âu Thái L không yêu cầu bồi thường, nên không đề nghị giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động hiệu Realme màu xanh lá cây, số Imei 1: 868595040734576, số Imei 2: 868595040734568 (có hình ảnh Hà An S mặc trang phục Quân đội nhân dân).

Tịch thu tiêu hủy: 01 mũ kê pi, có huy hiệu của Quân đội nhân dân Việt Nam; 01 quần tây màu xanh lá; 01 sim điện thoại số 0862764322.

Trả lại ông Trần Quốc M số tiền 2.000.000 đồng mà Cơ quan điều tra Công an Quận 6 đang tạm giữ để cân trừ tài sản bị thiệt hại.

Đối với 02 đĩa DVD (chứa file dữ liệu ghi âm, ghi hình quá trình ghi lời khai, hỏi cung Hà An S) đã được niêm phong (BL208), là chứng cứ lưu hồ sơ, nên không đề nghị xử lý.

Người bào chữa cho bị cáo Hà An S đồng ý với tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên, theo người bào chữa thì mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là cao. Và sau khi phân tích về nguyên nhân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, về nhân thân, hoàn cảnh gia đình của bị cáo, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách

nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và xử phạt bị cáo mức án thấp nhất nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời.

Sau khi tranh luận, đại diện Viện kiểm sát bảo lưu lời luận tội; người bào chữa bảo lưu lời bào chữa.

Lời nói sau cùng, bị cáo Hà An S nhận thức được hành vi của bị cáo là sai, là vi phạm pháp luật nên không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử phạt bị cáo mức án nhẹ nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình, có cơ hội làm lại cuộc đời.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối chiếu lời khai của bị cáo Hà An S với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Thị Ánh N2 tại phiên tòa là phù hợp với nhau và phù hợp với Biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu; lời khai của bị hại Âu Thái L, Trần Quốc M và của người làm chứng tại Cơ quan điều tra cùng những tài liệu, chứng cứ, lời khai khác có trong hồ sơ, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Hà An S đã phạm tội «Lừa đảo chiếm đoạt tài sản». Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây gọi tắt là Bộ luật hình sự năm 2015).

Bị cáo Hà An S được Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bảo vệ TL - SG tuyển dụng làm nhân viên bảo vệ và được phân công làm việc tại Chung cư L.P, địa chỉ 50 đường P.V.K, Phường B, Quận F từ ngày 01/4/2020. Trong thời gian làm bảo vệ tại đây, bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác bằng cách mặc trang phục của Quân đội nhân dân Việt Nam và tự xưng là đại tá quân đội, đang làm việc tại Quân khu G. Tin thật, các ông Âu Thái L, Trần Quốc M đã nhiều lần đưa tiền nhờ bị cáo xin cho cháu của các ông đang thực hiện nghĩa vụ quân sự tại Sư đoàn I, huyện CC được chuyển về thực hiện nghĩa vụ quân sự tại Quân khu G và bị cáo đã chiếm đoạt của các ông này tổng cộng là 34.000.000 đồng (trong đó, chiếm đoạt của ông L 24.000.000 đồng, chiếm đoạt của ông M 10.000.000 đồng) tại sảnh chung cư L.P, địa chỉ 50 đường P.V.K, Phường B, Quận F. Hành vi của bị cáo không những đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở

hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an xã hội. Hành vi này đủ yếu tố cấu thành tội «Lừa đảo chiếm đoạt tài sản» thuộc trường hợp «tài sản bị chiếm đoạt trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng» theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 truy tố bị cáo với tội danh và điều luật nêu trên, là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Bị cáo Hà An S là người đã trưởng thành, bị cáo hoàn toàn có đủ khả năng nhận thức được hành vi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi nguy hiểm cho xã hội và được quy định trong Bộ luật hình sự, nhưng do tham lam, lười lao động, chỉ vì muốn có tiền tiêu xài mà bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố tình thực hiện hành vi phạm tội nêu trên, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[3] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

[3.1] Trong khoảng thời gian ngắn, bị cáo Hà An S đã liên tiếp 04 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của các ông Âu Thái L, Trần Quốc M (chiếm đoạt tiền của ông L 03 lần, chiếm đoạt tiền của ông M 01 lần và mỗi lần chiếm đoạt đều trên 2.000.000 đồng). Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thuộc trường hợp «Phạm tội 02 lần trở lên» được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[3.2] Ngoài ra, bị cáo Hà An S còn có nhân thân xấu (ngày 09/11/1990, bị Tòa án nhân dân quận Tân Bình xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội «Lừa đảo chiếm đoạt tài sản»). Mặc dù lần ở phạm tội này bị cáo đã được đương nhiên xóa án tích thì coi như chưa bị kết án, nhưng điều này cũng cho thấy tuy đã được cải tạo, giáo dục, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Chứng tỏ ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo là không tốt.

[4] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Hà An S tuy thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo đã hoàn thành, việc bị phát hiện bắt giữ là hoàn toàn ngoài ý muốn của bị cáo, do đó Hội đồng xét xử thấy cần phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, nhằm đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo và đề phòng ngừa chung, góp phần vào công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm trong tình hình hiện nay, nhất là các tội phạm về xâm phạm sở hữu. Tuy nhiên, xét bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và được bị hại Âu Thái L bãi nại. Sức khỏe có phần hạn chế (nghe kém tiếp nhận nhẹ tai phải, nghe kém tiếp nhận nặng tai trái), nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự đối với bị cáo khi lượng hình theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[5] Những nhận định trên cũng là căn cứ để chấp nhận quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát và lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015, bị cáo Hà An S còn có thể bị phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 100 triệu đồng. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập, điều kiện kinh tế khó khăn. Vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Việc bồi thường thiệt hại:

[7.1] Xét yêu cầu của ông Trần Quốc M đòi bị cáo Hà An S bồi thường cho ông số tiền 10.000.000 đồng (BL281) là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Cấn trừ 2.000.000 đồng mà bà Nguyễn Thị Ánh N2 giao nộp, còn lại bị cáo phải bồi thường cho ông M 8.000.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 và các điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Kể từ ngày ông Trần Quốc M có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo Hà An S không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc trả số tiền nêu trên thì hàng tháng, bị cáo Hà An S còn phải trả ông Trần Quốc M khoản lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài yêu cầu bồi thường nêu trên, ông Trần Quốc M không còn yêu cầu bồi thường thiệt hại nào khác, nên Hội đồng xét xử không xét.

[7.2] Đối với số tiền 24.000.000 đồng mà bị cáo Hà An S chiếm đoạt của ông Âu Thái L. Mặc dù ông L không yêu cầu bị cáo bồi thường và đồng ý bãi nại cho bị cáo (theo Biên bản ghi lời khai ngày 21/02/2023 của Công an Quận 6; Đơn xin bãi nại ngày 01/3/2023 của ông Âu Thái L - BL192, 194), nhưng xét đây là khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội, nên Hội đồng xét xử buộc bị cáo nộp lại để sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[8] Việc xử lý vật chứng:

[8.1] Phương tiện bị cáo Hà An S dùng vào việc phạm tội là 01 chiếc điện thoại di động hiệu Realme màu xanh lá cây, số Imei 1: 868595040734576, số Imei 2: 868595040734568 (có hình ảnh Hà An S mặc trang phục Quân đội nhân dân), Hội đồng xét xử tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[8.2] Đối với 01 mũ kê pi, có huy hiệu của Quân đội nhân dân Việt Nam; 01 quần tây màu xanh lá; 01 sim điện thoại số 0862764322 (trong chiếc điện

thoại di động hiệu Realme màu xanh lá cây), là vật không có giá trị hoặc không sử dụng được, nên Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[8.3] Trả lại ông Trần Quốc M số tiền 2.000.000 đồng mà Cơ quan điều tra Công an Quận 6 đang tạm giữ để cản trở tài sản bị thiệt hại theo quy định tại khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

(theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 25/PNK ngày 04 tháng 3 năm 2023 của Công an Quận 6; Quyết định chuyển vật chứng số: 27/QĐ-VKS-Q6 ngày 27 tháng 3 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 6; Giấy nộp tiền ngày 09 tháng 3 năm 2023 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn - Chi nhánh Bắc Thành phố Hồ Chí Minh; Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 23 tháng 5 năm 2023 giữa Công an Quận 6 và Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6 - BL 175, 197, 204, 237)

[8.4] Đối với 02 đĩa DVD (chứa file dữ liệu ghi âm, ghi hình quá trình ghi lời khai, hỏi cung Hà An S) đã được niêm phong (BL208), là chứng cứ lưu hồ sơ, do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[9] Đối với các ông Trần Quốc M, Âu Thái L, là những người có hành vi đưa tiền cho bị cáo Hà An S với ý thức và mong muốn là nhờ bị cáo tác động người có thẩm quyền thực hiện hành vi trái pháp luật nhằm mục đích có lợi cho gia đình, người thân của các ông này, nhưng chưa được điều tra làm rõ. Cho nên ngày 24/4/2023, Tòa án nhân dân Quận 6 trả hồ sơ yêu cầu điều tra, làm rõ hành vi của các ông M, L và các cá nhân có liên quan đến việc đưa tiền cho bị cáo để xử lý theo quy định pháp luật nếu có vi phạm. Tuy nhiên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 xác định hành vi của các ông M, L thuộc trường hợp được miễn truy cứu trách nhiệm hình sự, bởi sau khi biết bị lừa, các ông M, L đã chủ động khai báo và tố giác Hà An S với Cơ quan điều tra, do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở xử lý.

[9.1] Đối với bà Nguyễn Thị Ánh N2, quá trình điều tra không đủ căn cứ xác định bà Nhung biết rõ số tiền mà bà nhận từ bị cáo Hà An S là tiền do bị cáo phạm tội mà có, nên không truy cứu trách nhiệm hình sự, do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[10] Về án phí: Bị cáo Hà An S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Hà An S** (Minh) 02 (hai) năm tù về tội «Lừa đảo chiếm đoạt tài sản». Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và các điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Hà An S bồi thường cho ông Trần Quốc M 8.000.000 (tám triệu) đồng.

Kể từ ngày ông Trần Quốc M có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo Hà An S không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc trả số tiền nêu trên thì hàng tháng, bị cáo Hà An S còn phải trả ông Trần Quốc M khoản lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ điểm a, điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a, điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Buộc bị cáo Hà An S nộp lại 24.000.000 (hai mươi bốn triệu) đồng, là tiền do phạm tội mà có để sung vào ngân sách nhà nước.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Realme màu xanh lá cây, số Imei 1: 868595040734576, số Imei 2: 868595040734568 (có hình ảnh Hà An S mặc trang phục Quân đội nhân dân).

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) mũ kê pi, có huy hiệu của Quân đội nhân dân Việt Nam; 01 (một) quần tây màu xanh lá; 01 (một) sim điện thoại số 0862764322.

- Căn cứ khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại ông Trần Quốc M 2.000.000 (hai triệu) đồng để cân trừ tài sản bị thiệt hại.

(theo Giấy nộp tiền ngày 09 tháng 3 năm 2023 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn - Chi nhánh Bắc Thành phố Hồ Chí Minh; Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 23 tháng 5 năm 2023 giữa Công an Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh và Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh - bút lục 175, 237)

- Căn cứ khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Hà An S phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 400.000 (bốn trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được hợp nhất theo Văn bản số: 32/VBHN-VPQH ngày 07/12/2020 của Văn phòng Quốc hội); thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bị cáo Hà An S; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Thị Ánh N2 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại Âu Thái L, Trần Quốc M; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***

- VKSND Quận 6;
- Công an Quận 6;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh (Phòng PV06);
- Chi cục THADS Quận 6;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Những người tham gia tố tụng khác.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

**Nguyễn Thị Thùy Liên**